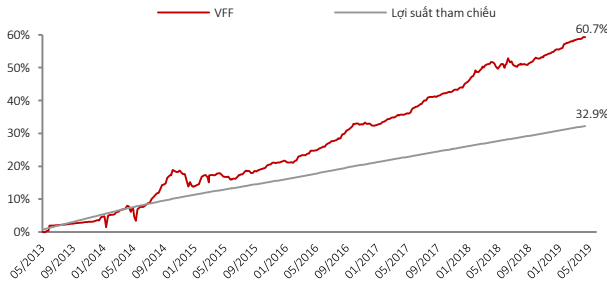


VFF Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập (05/2013 – 05/2019)



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. SE có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Kết quả hoạt động so với lãi suất tham chiếu

	VFF	4 SOCBs 3M deposit ²	4 SOCBs 12M deposit ³	VCB 12M deposit ⁴
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	249.1			
NAV/CCQ, VND	16,065			
Tăng trưởng NAV¹				
So với tháng trước	0.5%			
Từ đầu năm	3.3%	2.1%	2.8%	2.8%
Quy thành năm				
2019	8.0%	5.0%	6.8%	6.8%
2018	6.8%	4.7%	6.7%	6.5%
2017	9.9%	4.8%	6.7%	6.5%
2016	9.0%	5.1%	6.6%	6.4%
2015	6.7%	4.7%	6.1%	6.1%
2014	8.8%	5.9%	7.1%	7.0%
2013	6.3%	5.2%	5.8%	5.8%
Từ ngày thành lập	7.9%	5.1%	6.5%	6.4%
Tổng lợi nhuận từ ngày thành lập	60.7%	32.9%	42.1%	41.5%

¹ NAV là lợi nhuận thuần sau khi trừ phí quản lý và chi phí vận hành
² Lãi suất tham chiếu: Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN (VCB, BIDV, Vietin và Agr)
³ Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 NH CPTMNN
⁴ Lãi suất tham khảo: Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của VCB

Thông tin về Quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý thường niên	1,2%
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> 2,5% < 12 tháng 1,5% > / = 12 và < 24 tháng 0,75% > / = 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD90
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Vietnam
Định kỳ giao dịch	Hàng tuần, vào ngày thứ Ba
Lãi suất tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chiến lược đầu tư

Phân bổ tài sản

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Đầu tư đến 15% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán niêm yết có nền tảng tốt, tiềm năng tăng trưởng cao và có cơ cấu ổn định nhằm hạn chế rủi ro khi giá giảm.

Mục tiêu đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Giám đốc Quản lý danh mục: Bà Nguyễn Thị Xuân Dung
dung.xuan.nguyen@vinalcapital.com

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinalcapital.com
 Tel: +84 8 38 27 85 35

Tổng quan về Quỹ

Cấu trúc Quỹ

Quỹ mở Trái phiếu

Mức rủi ro



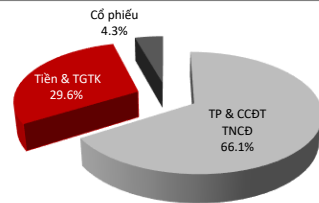
Mức lợi nhuận



Mức phí



Phân bổ tài sản



Hiệu quả đầu tư

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 16,065 VND tại thời điểm cuối tháng 5/2019, tăng 0,5% so với tháng trước và 3.3% tính từ đầu năm. Mức tăng trưởng GTTSR của VFF trong tháng 5 nhờ vào lợi nhuận tích lũy từ các khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ thu nhập cố định khác và thặng dư vốn trên các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết;

Tính đến cuối tháng 5/2019, tổng GTTSR của VFF đạt 249,1 tỷ đồng (10,6 triệu USD) so với mức 266,5 tỷ đồng (11,4 triệu USD) tại thời điểm cuối tháng 4. Trái phiếu và các khoản đầu tư thu nhập cố định chiếm 66,1% tổng GTTSR và VFF duy trì 29,6% tổng GTTSR của quỹ bằng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng cho các cơ hội đầu tư mới và đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Thị trường trái phiếu

Thị trường trái phiếu sơ cấp: Kho Bạc Nhà Nước (KBNN) là tổ chức phát hành duy nhất trong tháng 5/2019 và huy động được 9,2 nghìn tỷ VND (0,39 tỷ USD) trái phiếu với kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm, và 30 năm. Tổng giá trị phát hành tháng 5 giảm 26,6% so với tháng 4/2019. Nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến trái phiếu kỳ hạn 15 năm với giá trị phát hành đạt 3,0 nghìn tỷ VND (128,12 triệu USD), chiếm 32,6% tổng giá trị phát hành trong tháng. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm đứng thứ hai với tổng giá trị phát hành đạt 2,83 nghìn tỷ VND (120,86 triệu USD), chiếm 26,1% tổng giá trị phát hành.

Lợi suất trái phiếu KBNN ở các kỳ hạn 10 năm và 15 năm lần lượt tăng 2 và 3 điểm cơ bản so với lần phát hành gần nhất trong tháng trước và không thay đổi ở kỳ hạn 5 năm, duy trì ở mức 3,7%. Riêng lợi suất trái phiếu KBNN kỳ hạn 20 năm giảm 1 điểm và lợi suất trái phiếu kỳ hạn 30 năm tăng 3 điểm so với tháng trước.

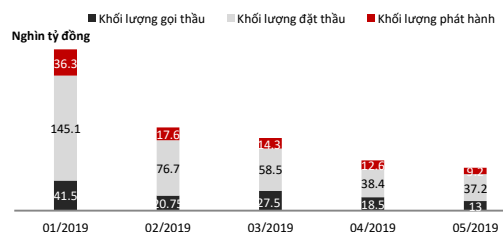
Sau 5 tháng đầu năm 2019, KBNN đã huy động thành công 90,03 nghìn tỷ đồng (3,85 tỷ USD) trái phiếu, hoàn thành 34,6% kế hoạch trong năm 2019.

Thị trường trái phiếu thứ cấp: Thị trường trái phiếu thứ cấp tháng 5 sôi động hơn so với tháng trước. Tổng giá trị giao dịch trong tháng 5 đạt 86,11 nghìn tỷ VND (3,68 tỷ USD) từ mức 77,21 nghìn tỷ VND trong tháng 4, tương đương mức tăng 11,5% so với tháng trước. Do đó, lợi suất phiếu chính phủ (TPCP) thứ cấp ghi nhận mức tăng từ 1 đến 2 điểm cơ bản ở các kỳ hạn 1 năm, 3 năm và 7 năm, lợi suất TPCP kỳ hạn 2 năm, 5 năm, 10 năm và 15 năm ghi nhận mức giảm từ 3 đến 7 điểm cơ bản so với tháng trước.

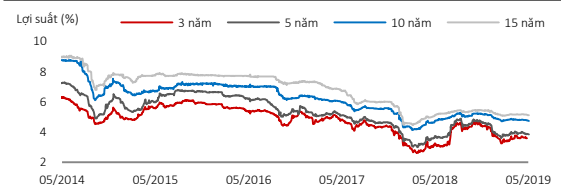
Trong năm 2019, KBNN đặt mục tiêu phát hành 260 nghìn tỷ VND (11,2 tỷ USD) trái phiếu kỳ hạn từ 5 đến 30 năm qua hình thức đấu thầu và chi tiết như sau:

Kỳ hạn	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm	Tổng
Khối lượng, tỷ đồng	40,000	30,000	70,000	78,000	20,000	22,000	260,000

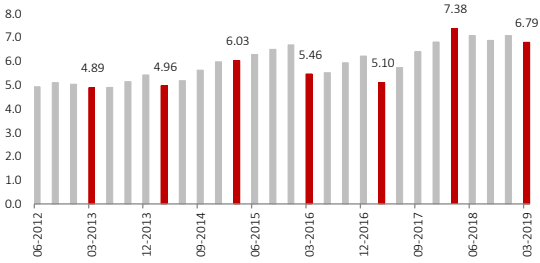
Kết quả đấu thầu trái phiếu sơ cấp



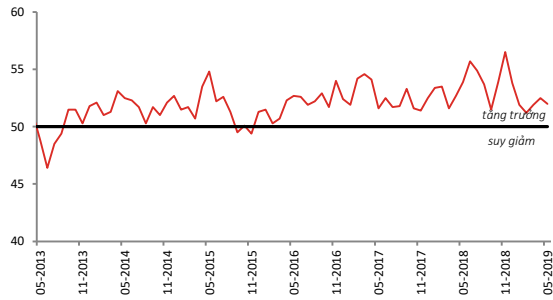
Lợi suất trái phiếu thứ cấp



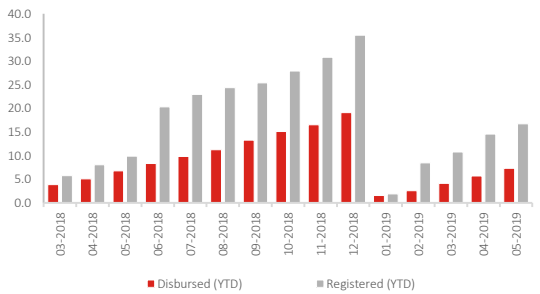
Tăng trưởng GDP theo quý (%)



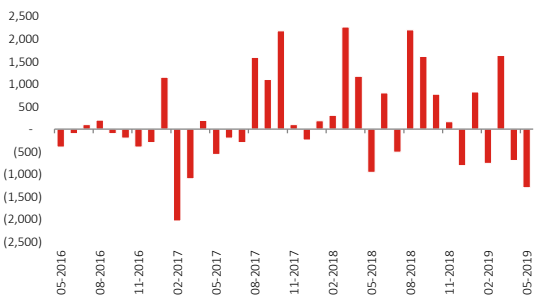
Chỉ số quản trị mua hàng Nikkei (PMI)



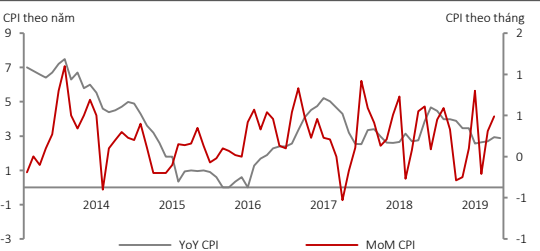
FDI đăng ký và giải ngân, số lũy kế (tỷ USD)



Cán cân thương mại hàng tháng (triệu USD)



Lạm phát theo năm và theo tháng (%)



Nguồn: Bloomberg

Cập nhật thị trường vĩ mô, 05/2019

Lạm phát ở Việt Nam duy trì mức ổn định trong tháng 5 nhưng đã giảm từ 3,9% so với cùng kỳ năm trước vào tháng 5 năm 2018 xuống còn 2,9% so với cùng kỳ vào tháng 5 năm 2019, do lạm phát giá cả y tế giảm, trừ đi -0,8% khỏi tỷ lệ lạm phát chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Lạm phát giá lương thực giảm từ 4,3% trong năm 2018 xuống còn 3,4% trong tháng 5/2019, trừ -0,3% điểm từ tỷ lệ lạm phát. Mức giảm này là do ảnh hưởng nhất thời liên quan đến Dịch tả lợn châu Phi (ASF), điều này sẽ làm tình hình đảo ngược trong 2H19, có nghĩa là lạm phát có thể sẽ đạt 3,5-4% vào cuối năm nay.

Cụ thể, nông dân đã bán phá giá thịt lợn trên thị trường từ khi dịch tả lợn Châu Phi đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam vào tháng 2 làm giảm giá thịt lợn và đóng góp khoảng 6% vào rõ tính CPI và giảm khoảng -0.6% trong tháng 5 so với tháng trước. Tuy nhiên, Việt Nam đã tích cực tiêu hủy hơn 2 triệu con lợn (hay tương đương 7% tổng đàn lợn và nhiều hơn số lợn bị tiêu hủy tại Trung Quốc), vì vậy chúng tôi cho rằng sự thiếu hụt thịt lợn sẽ đẩy lạm phát giá lương thực lên cao trong năm nay (lưu ý rằng lạm phát giá lương thực ở Trung Quốc hiện tại gặp đối so với ở Việt Nam).

Tiếp đó, sự tăng trưởng của sản lượng sản xuất của Việt Nam là gần như không đổi ở mức 12% so với cùng kỳ trong 5M18 và 11% trong 5M19, được phản ánh qua chỉ số quản trị mua hàng (PMI) khiếm tốn ở mức 52 trong tháng 5.

Sự tăng trưởng của nền tảng công nghiệp của Việt Nam được hỗ trợ bởi mức tăng 8% hàng năm của các khoản giải ngân FDI lên đến 7,3 tỷ USD. Vốn FDI mới đăng ký tăng 27% so với cùng kỳ đạt 9,1 tỷ USD, đó rõ ràng là kết quả của căng thẳng thương mại Mỹ-Trung đang diễn ra; FDI mới đăng ký từ Trung Quốc đã tăng hơn ba lần từ 5M18 đến 5M19 đạt 1.7 tỷ USD, làm cho Trung Quốc trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn thứ hai tại Việt Nam trong năm nay. Chúng tôi cho rằng sự gia tăng này trong các dự án FDI mới của Trung Quốc là một nỗ lực nhằm lách thuế quan của Mỹ đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc

Một hậu quả khác của cuộc chiến tranh thương mại là mức tăng 28% trong xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Mỹ so với cùng kỳ năm trước, và sự gia tăng 19% đồng thời mức nhập khẩu từ Trung Quốc, làm cho Mỹ trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam (chiếm 22% tổng giá trị xuất khẩu), và Trung Quốc trở thành nguồn nhập khẩu lớn nhất (chiếm 29% tổng giá trị nhập khẩu). Động lực này là dấu hiệu tích cực cho nền kinh tế của Việt Nam, nhưng làm dấy lên mối lo ngại rằng các doanh nghiệp địa phương có thể nhập khẩu các sản phẩm của Trung Quốc và về cơ bản tái xuất chúng sang Mỹ thông qua Việt Nam, điều này có thể khiến Việt Nam dễ vướng phải các biện pháp trừng phạt từ chính phủ Mỹ.

Sự gia tăng trong xuất khẩu sang thị trường Mỹ đã giúp tăng trưởng 7% xuất khẩu so với cùng kỳ trong 5M19. Mặc dù đây là mức giảm đáng kể so với mức tăng trưởng 17% mà nước này đạt được trong 5M18, nhưng nó vượt trội so với mức tăng trưởng xuất khẩu ước tính -5% hàng năm của Hàn Quốc, Thái Lan và Thái Lan trong năm nay.

Điều đó cho thấy rằng, Việt Nam đã chuyển từ thặng dư thương mại 2,6 tỷ USD trong 5M18 sang thâm hụt ước tính 550 triệu USD trong 5M2019 theo Tổng Cục Thống kê (GSO), khi tăng trưởng nhập khẩu 10% trong 5M2019, vượt xa tăng trưởng xuất khẩu. Điều này, cùng với sự leo thang của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc vào tháng 5, gây áp lực lên giá trị không chính thức của Đồng Việt Nam. Sau sự ổn định trong nhiều tháng, Đồng Việt Nam mất giá khoảng 0.9% trong tháng, so với mức sụt giảm 2,5% trong tỷ giá USD-CNY.

Chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

		05/2019	04/2019	03/2019	02/2019	2018A	2019F
GDP	% y/y	N/A	N/A	6.79	N/A	7.08	6.60 - 6.80
PMI		52.0	52.5	51.9	51.2	53.8	
CPI, bình quân	% y/y	2.74	2.71	2.70	2.64	3.45	3.57
Cán cân thương mại, lũy kế	USD tỷ	0.55	-0.7	1.41	0.08	7.78	6.81
Nhập khẩu	% y/y	8.3	10.4	7.82	7.50	11.58	13.70
Xuất khẩu	% y/y	7.5	5.8	5.55	5.90	14.24	14.42
FDI, Đăng ký	USD tỷ	16.74	14.6	10.81	3.26	35.46	
FDI, Giải ngân	USD tỷ	7.3	5.7	4.12	2.58	19.10	
Dự trữ ngoại hối	USD tỷ	66.00	66.00	64.00	64.00	60.00	65.00
USD/VND	VND	23,415	23,280	23,189	23,199	22,655	23,880

Số liệu dự báo được tổng hợp từ SSI Research

Ghi chú quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Các thông tin trong tài liệu này không có bất kỳ hàm ý hay chỉ dẫn là đã được phê duyệt bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền. Thông tin không cấu thành hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga giảm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.

Không có bất kỳ sự cam đoan, cam kết, bảo đảm hoặc chắc chắn nào dù là rõ ràng hay ngụ ý được đưa ra bởi hoặc thay mặt Công ty hoặc các giám đốc, nhân viên, đối tác, người lao động, đại lý hoặc bên tư vấn hoặc bất kỳ người nào khác về sự chính xác hoặc hoàn chỉnh của những thông tin và ý kiến nêu ra tại đây và những người nói trên cũng sẽ không có bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với những thông tin hoặc ý kiến nói trên hoặc đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót, tuyên bố sai, bất cập hoặc vấn đề nào khác đối với bất kỳ thông tin liên lạc nào bằng văn bản hoặc bằng cách khác.

Những thông tin này không được sao chép, chuyển giao lại cho bất kỳ người nào hoặc phân phối toàn bộ hoặc một phần vì bất kỳ mục đích gì. Thông qua việc chấp nhận văn bản này, Quý khách hàng đồng ý bị ràng buộc bởi những hạn chế nêu trên.

Không có trạng nào hoặc bản sao nào được thực hiện hoặc chuyển đi hoặc giao trong phạm vi bất kỳ quyền tài phán nào nơi mà việc chuyển giao những tài liệu đó bị cấm theo luật chứng khoán hiện đang áp dụng. Việc không tuân thủ những hạn chế này có thể dẫn đến việc vi phạm luật chứng khoán quốc gia.